

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No., ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và lên Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

Motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

Certificate of inspection should not be used as a basis for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DB 1105912

1. PHƯƠNG TIỆN

(VEHICLE)

Số đăng ký: 80A-002.67

(Registration Number)

Số quản lý: 2903V-073084

(Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) Ô tô con

Hãng hiệu: (Mark) HYUNDAI

Mã loại: (Model code) SONATA YF-BB6AB-1

Số máy: (Engine Number) G4KDA551583

Số khung: (Chassis Number) KMHEC41BBBA213263

Năm, Nước sản xuất: 2011, Việt Nam

Niên hạn SD:

(Manufactured Year and Country)

(Lifetime limit to)

Loại doanh vận tải (Commercial Use)

Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

(SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1587/1587 (mm)

(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4820 x 1835 x 1470 (mm)

Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension) (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2795 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1503 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)

(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1980/-- (kg)

(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)

(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 1998 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 121.4(kW)/6200

Số sê-ri: (No.) DB-1105912 75BEAC3

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 225/45R18

2: 2; 225/45R18

Số phiếu kiểm định Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2024

(Inspection Report No.) (Issued on: Day/Month/Year)

ĐĂNG ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH

XE CƠ (INSPECTION CENTER)

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 16/04/2025



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền xanh



Tên chủ xe (Owner's full name): VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ		Số máy (Engine N°): 2JZ0516436
Địa chỉ (Address): Số 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội		Số khung (Chassis N°): TZS1550068313
Nhãn hiệu (Brand): TOYOTA	Số loại (Model code): CROWN	
Loại xe (Type): Ô tô con	Dung tích (Capacity): 2997	
Màu sơn (Color): Đen	Chiều dài cơ sở (Wheel Formula):	m
Năm sản xuất (Year of manufacture): 1996	Tư trọng (Empty weight):	kg
Kích thước bao - Dài (Length):	m; Rộng (Width):	m; Cao (Height): m
Overall dimension		
Kích thước thùng - Dài (Length):	m; Rộng (Width):	m; Cao (Height): m
Tải trọng: Hàng hóa:	kg; số chỗ ngồi (Sit): 4 đứng (Stand):	năm (Lie):
Kích cỡ lốp trước/sau (Tire size):		
Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm		
Valid until date		
Biển số đăng ký (N. Plate) (X)	Hà Nội, ngày (date) tháng năm	2013
80B-1666	KỶ VIỆT TRƯỜNG, TRƯỞNG	
Đăng ký lần đầu ngày: 13/12/1997	ĐẠI TÁ: Nguyễn Hữu Danh	

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No., the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DB 3279274

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **80B-1666** Số quản lý: 2903V-003897
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA

Số loại: (Model code) CROWN

Số máy: (Engine Number) 0516436

Số khung: (Chassis Number) JZS1550068313

Năm, Nước sản xuất: 1996, Nhật Bản Niên hạn SD:
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1470/1475 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4840 x 1710 x 1450 (mm)

Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension) (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2780 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1470 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1850/1850 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2997 (cm3)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 163(kW)/6000(vp)

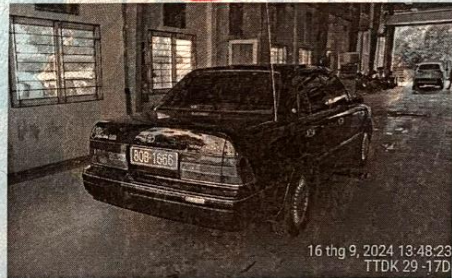
Số sê-ri: (No.) DB-3279274 90D4E8B6

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 195/65R15

2: 2; 195/65R15

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2024
Số phiếu kiểm định: (Issued on: Day/Month/Year)
(Inspection Report No.) CÔNG T
TNHH ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
2917D-23485/24 ĐĂNG KÝ (INSPECTION CENTER)
XE CƠ GIỚI XE CƠ GIỚI ĐĂNG KÝ
Cố hiệu lực đến hết ngày: 15/03/2025
(Valid until) 15/03/2025



16 thg 9, 2024 13:48:23
TTDK 29-17D

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:

BỘ CÔNG AN
Cục CSGT ĐB-ĐS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0001174

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Họ tên chủ xe: **VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**
 Nơi ĐKNK thường trú: 1 Bách Thảo-Hà Nội

CMND số: *cấp ngày*
 Nhân hiệu: TOYOTA Số loại: CAMRY 2.4 Loại xe: Ôtô con
 Màu sơn: Đen Số máy: 2AZ1029168 Số khung: V308000924
 Tự trọng: 1400 kg Tải trọng: - Hàng hoá: kg
 - Số chỗ ngồi: 05 (cả lái phụ)
 Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2003

Biển số:
80B-2939

Cục trưởng

Đã đăng ký lần đầu
ngày: 21/02/2003

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý!

MẪU 01ĐB
HĐBCQĐ số 1093/QĐ-HCA(C11)
Ngày 06 - 12 - 2000

- 1- Phải nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ giao thông!
- 2- Khi mua, bán, cho, tặng, di chuyển xe, phải làm thủ tục sang tên, di chuyển.
- 3- Phải khai báo cơ quan CSGT nơi đăng ký xe những trường hợp dưới đây:
 - Thay đổi toàn bộ màu sơn xe.
 - Vẽ, dán quảng cáo trên xe.
 - Thay đổi tổng thành máy, khung xe.
 - Xe hỏng, nát không lưu hành.
 - Thay đổi hệ thống lái, phanh, hệ thống treo, hệ thống truyền động.
 - Xe bị mất.
 - Mất biển số.
 - Mất đăng ký.

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No., ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM MOT - Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DB 2916181

I. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 80B-2939 Số quản lý: 2903V-017850
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA

Số loại: (Model code) CAMRY 2.4G ACV30L-JEMNKU

Số máy: (Engine Number) 2AZ1029168

Số khung: (Chassis Number) ACV308000924

Năm, Nước sản xuất: 2003, Việt Nam Niên hạn SD:
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1550/1535 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4825 x 1810 x 1505 (mm)

Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension) (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2720 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1400 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1930/- (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2362 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 110(kW)/5600(vph)

Số sê-ri: (No.) DB-2916181 D5F64FA7

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 205/65R15

2: 2; 205/65R15

Số phiếu kiểm định Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2024
(Inspection Report No) (Issued on: Day/Month/Year)

2903V-25693/24

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 09/01/2025

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2024

Issued on: Day/Month/Year

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH

INSPECTION CENTER

XE CƠ GIỚI

SỐ 29/03V

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

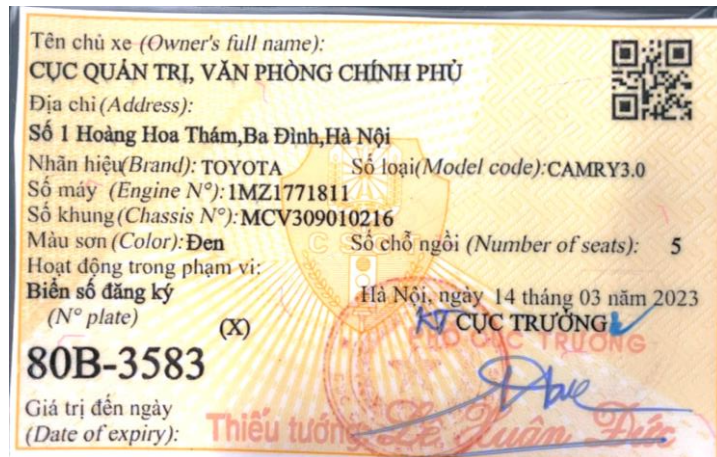


Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:



CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DB 1848974

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 80B-3583 Số quản lý: 2905V-013291
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA

Số loại: (Model code) CAMRY30V

Số máy: (Engine Number) 1M21771811

Số khung: (Chassis Number) MCV309010216

Năm, Nước xuất: 2005, Việt Nam

(Manufactured Year and Country)

Niên hạn SD:
(Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1550/1535 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4825 x 1810 x 1515 (mm)

Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension) (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2720 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1505 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2010/-- (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2995 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 157(kW)/5600

Số sê-ri: (No.) DB-1848974

5F8E17A3

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)
1: 2; 215/60 R16
2: 2; 215/60 R16

Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)

2903V-16608/24

Có hiệu lực đến hết ngày

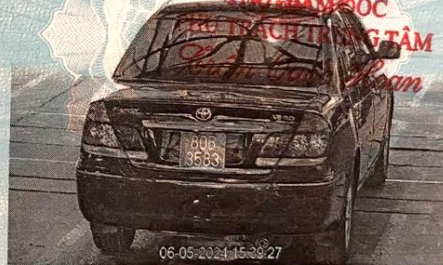
(Valid until) 05/05/2025

Hà Nội, ngày 6 tháng 5 năm 2024
(Issued on: Day/Month/Year)

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(INSPECTION CENTER)

ĐĂNG KÝ
XE CƠ GIỚI
SỐ 24-03V

CỤC
PHÁT HÀNH XE

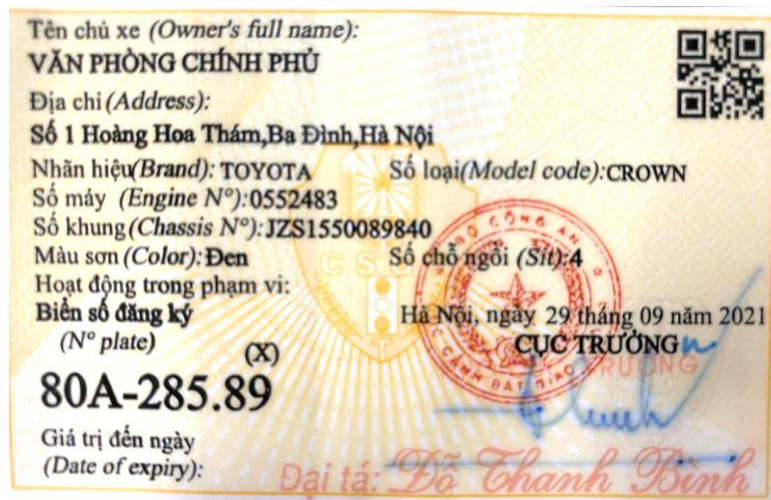


Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:



CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT
Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.
When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.
2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.
When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.
3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.
During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.
4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.
When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.
5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.
A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.
6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.
A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DB 1850396

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **80A-285.89** Số quản lý: **5005V-012354**
Registration Number (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con
 Nhân hiệu: (Mark) TOYOTA
 Số loại: (Model code) CROWN
 Số máy: (Engine Number) 0552483
 Số khung: (Chassis Number) JZS155-0089840
 Năm, Nước sản xuất: 1997, Nhật Bản
 Manufactured Year and Country

Niên hạn SD: (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Loại bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1470/1475 (mm)
Wheel Formula (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4840 x 1710 x 1450 (mm)
 Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension) (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2780 (mm)
 Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1570 (kg)
 Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
Design/Authorized pay load
 Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: (kg)
Design/Authorized total mass
 Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
Design/Authorized towed mass

Số người cho phép chở: 4 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng
 Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2997 (cm3)
 Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm)
 Số seri: (No.) **DB-1850396** B94825FF

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires: Tire size/axle)
 1: 2; 195/65R15
 2: 2; 195/65R15

Số phiếu kiểm định (Inspection Report No) 2903V-18293/24
 Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) **16/11/2024**

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024
 Issued on Day/Month/Year

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
 XE CƠ GIỚI (INSPECTION CENTER)
 SỐ 29-03

PHỤ TRÁCH TRƯNG TÂM
Trần Quốc Hoàn



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph) -
 Có lắp camera (Equipped with camera) -
 Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued) -
 Ghi chú: Biển đăng ký nền xanh

BỘ CÔNG AN
Cục CSGT ĐB-ĐS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0000630

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Họ tên chủ xe: **VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**
 Nơi ĐKKNK thường trú: **Số 1 Bạch Thảo-Hà Nội**
 CMND số: **cấp ngày**
 Nhân hiệu: **TOYOTA** Số loại: **CAMRY3.0** Loại xe: **Ô tô con**
 Màu sơn: **Đen** Số máy: **1MZ1396718** Số khung: **V309000019**
 Tự trọng: **1505** kg. Tải trọng: **-** Hàng hoá: **kg**
 - Số chỗ ngồi: **05** (cả lái phụ)
 Hà Nội, ngày **16** tháng **08** năm **2002**

Biển số: **80B-2789**

Đăng ký lần đầu
ngày: **16/08/2002**

Cục trưởng

Thượng tá **Trần Văn Nghĩa**

MẪU 01ĐB
BH theo QĐ số 1093/QĐ-BCA/C11)
Ngày 06 - 12 - 2000

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý!

- 1- Phải nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ giao thông.
- 2- Khi mua, bán, cho, tặng, di chuyển xe, phải làm thủ tục sang tên, di chuyển.
- 3- Phải khai báo cơ quan CSGT nơi đăng ký xe những trường hợp dưới đây:
 - Thay đổi toàn bộ màu sơn xe.
 - Vẽ, dán quảng cáo trên xe.
 - Thay đổi tổng thành máy, khung xe.
 - Xe hỏng, nát không lưu hành.
 - Thay đổi hệ thống lái, phanh, hệ thống treo, hệ thống truyền động.
 - Xe bị mất.
 - Mất biển số.
 - Mất đăng ký.

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No., ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DB 2916846

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 80B-2789 Số quản lý: 2903V-015061
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA

Số loại: (Model code) CAMRY MCV30L-JEA EK

Số máy: (Engine Number) 1MZ1396718

Số khung: (Chassis Number) MCV309000019

Năm, Nước sản xuất: 2002, Việt Nam Niên hạn SD:
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1550/1535 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4825 x 1810 x 1515 (mm)

Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension) (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2720 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1505 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)

(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2010/-- (kg)

(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)

(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

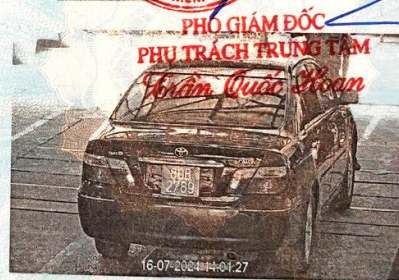
Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2995 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 156(kW)/5600(vph)

Số sê-ri: (No.) DB-2916846 94A24C54

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)
1: 2; 215/60R16
2: 2; 215/60R16

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2024
Số phiếu kiểm định (Inspection Report No) 2903V-26489/24
ĐANG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI (INSPECTION CENTER) SỐ 29-03V
Số hiệu lực đến hết ngày (Valid until) 15/01/2025



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)
Có lắp camera (Equipped with camera)
Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: